

CHÍNH PHỦ
Số: 03/2000/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 2 năm 2000

NGHỊ ĐỊNH

Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các loại hình doanh nghiệp sau đây:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân đã thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân ngày 21 tháng 12 năm 1990 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công ty, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp tư nhân ngày 22 tháng 6 năm 1994;
- Công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước;
- Công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp của Đảng, doanh nghiệp của tổ chức chính trị - xã hội;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập từ việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập từ việc chuyển đổi doanh nghiệp của Đảng, doanh nghiệp của tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 2. Áp dụng các luật chuyên ngành

Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của các luật chuyên ngành sau đây về việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân, thì áp dụng theo quy định của luật chuyên ngành:

1. Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997;
2. Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996;
3. Luật Dầu khí ngày 06 tháng 7 năm 1993;
4. Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;
5. Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 26 tháng 12 năm 1991; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 20 tháng 4 năm 1995;
6. Luật Xuất bản ngày 07 tháng 7 năm 1993;
7. Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999;
8. Luật Giáo dục ngày 02 tháng 12 năm 1998;
9. Bộ luật Hàng hải ngày 30 tháng 6 năm 1990;
10. Luật chuyên ngành khác hoặc luật sửa đổi, bổ sung luật chuyên ngành được thông qua sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Ngành, nghề cấm kinh doanh

1. Danh mục ngành, nghề cấm kinh doanh bao gồm:
 - a) Kinh doanh vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng và phương tiện kỹ thuật quân sự chuyên dùng của các lực lượng vũ trang;
 - b) Kinh doanh chất nổ, chất độc, chất phóng xạ;
 - c) Kinh doanh chất ma túy;
 - d) Kinh doanh mại dâm, dịch vụ tổ chức mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em;
 - đ) Kinh doanh dịch vụ tổ chức đánh bạc, gá bạc;
 - e) Kinh doanh các hoá chất có tính độc hại mạnh;
 - g) Kinh doanh các hiện vật thuộc di tích lịch sử, văn hoá, bảo tàng;

- h) Kinh doanh các sản phẩm văn hoá phản động, đồi trụy, mê tín, dị đoan hoặc có hại đến giáo dục nhân cách;
- i) Kinh doanh các loại pháo;
- k) Kinh doanh thực vật, động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật, thực vật quý hiếm khác cần được bảo vệ;
- l) Kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

2. Bộ Công nghiệp, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Chính phủ ban hành danh mục cụ thể về chất nổ, chất độc, chất phóng xạ và các hoá chất có tính độc hại mạnh quy định tại điểm b và điểm e khoản 1 Điều này.

Bộ Công an trình Chính phủ ban hành danh mục cụ thể về chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

Bộ Văn hoá và Thông tin trình Chính phủ ban hành danh mục cụ thể về các hiện vật thuộc di tích lịch sử, văn hoá, bảo tàng quy định tại điểm g và danh mục cụ thể về các sản phẩm văn hoá phản động, đồi trụy, mê tín, dị đoan hoặc có hại đến giáo dục nhân cách quy định tại điểm h khoản 1 Điều này.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chính phủ ban hành danh mục cụ thể về thực vật, động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật, thực vật quý hiếm cần bảo vệ quy định tại điểm k khoản 1 Điều này.

Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Chính phủ ban hành danh mục cụ thể về đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội quy định tại điểm l khoản 1 Điều này.

Các Bộ có trách nhiệm trình Chính phủ danh mục cụ thể như quy định tại khoản này trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

1. Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh các ngành, nghề đó được áp dụng theo quy định của các luật, pháp lệnh hoặc nghị định có liên quan.

Điều kiện kinh doanh được thể hiện dưới hai hình thức sau đây:

- a) Giấy phép kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;
- b) Các quy định về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; quy định về phòng cháy, chữa cháy, trật tự xã hội, an toàn giao thông và quy định về các yêu cầu khác đối với hoạt động kinh doanh (sau đây gọi tắt là điều kiện kinh doanh không cần giấy phép).

Các văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ, ngành hoặc các cấp chính quyền địa phương ban hành mà không căn cứ vào luật, pháp lệnh, nghị định quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh các ngành, nghề đó đều không có hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp thành lập doanh nghiệp để kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, thì khi đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo và hướng dẫn người thành lập doanh nghiệp về điều kiện kinh doanh các ngành, nghề đó.

Trường hợp doanh nghiệp đăng ký bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, thì khi đăng ký bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo và hướng dẫn doanh nghiệp biết về điều kiện kinh doanh ngành, nghề đó.

3. Đối với ngành, nghề kinh doanh phải có giấy phép kinh doanh, thì doanh nghiệp được quyền kinh doanh ngành, nghề đó, kể từ khi được cấp giấy phép kinh doanh.

Đối với ngành, nghề kinh doanh phải có điều kiện kinh doanh không cần giấy phép, thì doanh nghiệp được quyền kinh doanh ngành, nghề đó, kể từ khi có đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định và cam kết thực hiện đúng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Người thành lập doanh nghiệp và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện đúng điều kiện kinh doanh theo quy định. Nếu doanh nghiệp tiến hành kinh doanh mà không có đủ điều kiện, thì người thành lập doanh nghiệp và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kinh doanh đó.

Điều 5. Ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định

1. Ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định, mức vốn pháp định cụ thể, cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về vốn pháp định, cơ quan có thẩm quyền xác nhận và cách thức xác nhận vốn pháp định được xác định theo quy định của luật, pháp lệnh và nghị định quy định về vốn pháp định.
2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của số vốn được xác nhận khi thành lập doanh nghiệp và trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
3. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về vốn pháp định, thủ trưởng cơ quan xác nhận vốn pháp định cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác của số vốn được xác nhận khi thành lập doanh nghiệp.

Điều 6. Ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề

1. Chứng chỉ hành nghề quy định tại khoản 4 Điều 6 Luật Doanh nghiệp là văn bản mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc hội nghề nghiệp chỉ cấp cho cá nhân có đủ trình độ chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp về một ngành, nghề nhất định. Các chứng chỉ hành nghề đã cấp cho tổ chức đều hết hiệu lực.
2. Ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề bao gồm:
 - a) Kinh doanh dịch vụ pháp lý;
 - b) Kinh doanh dịch vụ khám, chữa bệnh và kinh doanh dược phẩm;
 - c) Kinh doanh dịch vụ thú y và kinh doanh thuốc thú y;
 - d) Kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình;
 - đ) Kinh doanh dịch vụ kiểm toán;
 - e) Kinh doanh dịch vụ môi giới chứng khoán.
3. Đối với doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề quy định tại khoản 2 Điều này, thì việc đăng ký kinh doanh, phải có thêm điều kiện về chứng chỉ hành nghề theo quy định dưới đây:
 - a) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, một trong số những người quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Luật Doanh nghiệp phải có chứng chỉ hành nghề;